

PHỤ LỤC III: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN

ĐVT: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường giao thông	Giá đất UBND 2015 -2019				Huyện	Hệ số giá cụ thể so với giá đất UBND tỉnh năm 2018				Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019	Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4		
1	Quốc lộ 56					Cẩm Mỹ	-	-	-	-		
	Đoạn từ giáp ranh xã Hàng Gòn, Long Khánh đến hết trạm xăng dầu Đồng Nai (ngã 3 Lò Than)	750	310	210	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn từ trạm xăng dầu Đồng Nai (ngã 3 Lò Than) đến đường vào Xí nghiệp Khai thác đá	900	310	210	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn từ đường vào Xí nghiệp Khai thác đá đến đường vào nghĩa trang Camphuchia	600	310	210	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn từ đường vào nghĩa trang Camphuchia đến hết bến xe huyện Cẩm Mỹ	1.200	400	210	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn từ bến xe huyện Cẩm Mỹ đến hết Trung tâm văn hóa huyện Cẩm Mỹ	1.100	360	210	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn từ giáp Trung tâm văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến hết xã Long Giao	650	240	180	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn từ giáp ranh xã Long Giao đến hết bưu điện xã Xuân Mỹ	800	300	180	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn từ giáp bưu điện xã Xuân Mỹ đến giáp huyện Châu Đức	700	300	180	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,40	
2	Đường Tỉnh lộ 764					Cẩm Mỹ	-	-	-	-		
	Từ ngã ba xã Xuân Mỹ đến hết cây xăng Xuân Mỹ	700	310	180	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
	Đoạn từ giáp cây xăng Xuân Mỹ đến ngã tư EC	500	250	170	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
	Đoạn từ ngã tư EC đến hết trại Giam Xuyên Mộc	700	260	180	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
	Đoạn từ giáp trại Giam Xuyên Mộc đến hết trường THCS Sông Ray	800	260	180	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
	Đoạn từ giáp trường THCS Sông Ray đến cầu Suối Thề	600	280	180	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	

TT	Tên đường giao thông	Giá đất UBND 2015 -2019				Huyện	Hệ số giá cụ thể so với giá đất UBND tỉnh năm 2018				Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019	Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4		
	Đoạn từ cầu Suối Thè đến ngã tư Sông Ray (-500m)	700	350	180	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
	Đoạn từ ngã tư Sông Ray (-500m) đến hết cây xăng Nông trường Sông Ray	1.300	450	180	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
	Đoạn từ giáp cây xăng Nông trường Sông Ray đến ngã ba ấp 10 Sông Ray	700	240	180	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
	Đoạn từ ngã ba ấp 10 Sông Ray đến giáp huyện Xuyên Mộc	500	220	180	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
3	Tỉnh lộ 765					Cẩm Mỹ	-	-	-	-		
	Đoạn từ giáp xã Lang Minh đến giáp trạm xăng dầu Đồng Nai	650	240	180	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
	Đoạn từ trạm xăng dầu Đồng Nai đến cầu Suối Sách (gần trường Nguyễn Bá Ngọc)	750	220	180	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
	Đoạn từ cầu Suối Sách đến cầu Suối Lức	600	220	180	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
	Đoạn từ cầu Suối Lức đến giáp Trường tiểu học Võ Thị Sáu	800	300	180	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
	Đoạn từ Trường tiểu học Võ Thị Sáu đến ngã tư Sông Ray (+500m)	1.300	450	180	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
	Đoạn từ ngã tư Sông Ray (+500m) đến cầu Suối Thè	750	240	180	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
	Đoạn từ cầu Suối Thè đến ngã ba đường vào trụ sở xã Lâm San (-200m)	550	210	170	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
	Đoạn từ ngã ba đường vào trụ sở xã Lâm San (-200m) đến hết cây xăng Vĩnh Hòa	650	220	180	130	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
	Đoạn từ giáp cây xăng Vĩnh Hòa đến cầu Gia Hoét	450	200	150	120	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
4	Hương lộ 10					Cẩm Mỹ	-	-	-	-		
	Đoạn từ ngã ba đường vào xã Xuân đường đến hết khu trung tâm hành chính	650	350	170	120	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,40	
	Đoạn từ giáp khu trung tâm hành chính đến hết khu dân cư hiện hữu ấp 1 - xã Xuân Đường	500	250	150	110	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,40	

TT	Tên đường giao thông	Giá đất UBND 2015 -2019				Huyện	Hệ số giá cụ thể so với giá đất UBND tỉnh năm 2018				Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019	Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4		
	Đoạn giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 - xã Xuân Đường đến giáp xã Cẩm Đường huyện Long Thành	450	220	150	110	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,40	
5	Đường Xuân Định - Lâm San (đường Xuân Bảo đi Tỉnh lộ 764)					Cẩm Mỹ	-	-	-	-		
	Từ cầu Suối Hai đến giáp cầu hồ Suối Vọng xã Xuân Bảo	450	220	160	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
	Đoạn từ cầu hồ Suối Vọng đến giáp Bưu điện xã Bảo Bình	550	250	160	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
	Đoạn từ Bưu điện xã Bảo Bình đến hết chợ Bảo Bình (+100m)	700	300	160	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
	Đoạn từ giáp chợ Bảo Bình (+100m) đến cầu 4	700	250	160	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
	Đoạn từ Cầu 4 đến cầu Suối Lức	450	220	160	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
	Đoạn từ cầu Suối Lức đến hết xã Bảo Bình	450	220	160	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
	Đoạn từ giáp ranh xã Bảo Bình đến hết hồ Suối Ran	300	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
	Đoạn từ giáp hồ Suối Ran đến ngã tư EC	450	220	160	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
	Đoạn từ ngã tư EC đến hết trường Nguyễn hữu Cảnh xã Lâm San	315	210	160	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
	Đoạn từ giáp trường Nguyễn Hữu Cảnh đến Tỉnh lộ 765	525	230	170	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
6	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây					Cẩm Mỹ	-	-	-	-		
	Đoạn từ Suối Sâu đến hết trụ sở UBND xã Sông Nhạn	350	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
	Đoạn từ giáp trụ sở UBND xã Sông Nhạn đến giáp ranh huyện Thống Nhất	300	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
7	Đường Xuân Đông - Xuân Tâm					Cẩm Mỹ	-	-	-	-		
	Đoạn từ Tỉnh lộ 765 đến giáp cây xăng Châu Loan	450	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
	Đoạn từ cây xăng Châu Loan đến hết trường tiểu học Trần Phú	350	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	

TT	Tên đường giao thông	Giá đất UBND 2015 -2019				Huyện	Hệ số giá cụ thể so với giá đất UBND tỉnh năm 2018				Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019	Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4		
	Đoạn từ giáp trường tiểu học Trần Phú đến đến giáp ranh huyện Xuân Lộc	300	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
8	Đường Xuân Phú - Xuân Tây (đoạn thuộc xã Xuân Tây)	300	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
9	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn					Cẩm Mỹ	-	-	-	-		
	Đoạn từ Quốc lộ 56 đến hết xã Nhân Nghĩa	350	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
	Đoạn từ giáp ranh xã Nhân Nghĩa đến giáp trụ sở UBND xã Xuân Quế	300	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
	Đoạn từ UBND xã Xuân Quế đến đường số 4 ấp 2	450	220	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
	Đoạn còn lại	300	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
10	Đường Xuân Đông - Xuân Tây					Cẩm Mỹ	-	-	-	-		
	Đoạn từ Tỉnh lộ 765 (+2.000m)	350	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
	Đoạn còn lại	300	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	
11	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông					Cẩm Mỹ	-	-	-	-		
	Đoạn từ Tỉnh lộ 765 đến cầu Xuân Tây	450	220	150	100	Cẩm Mỹ	2,26	-	-	-	2,10	
	Đoạn từ cầu Xuân Tây đến đường Xuân Định - Lâm San (-300m)	300	200	150	100	Cẩm Mỹ	3,39	-	-	-	2,10	
	Đoạn từ đường Xuân Định - Lâm San (-300m) đến hết trường Nguyễn Du xã Xuân Bảo	450	220	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,10	
	Đoạn từ giáp trường Nguyễn Du xã Xuân Bảo đến giáp ranh xã Nhân Nghĩa	300	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,10	
12	Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây	300	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
13	Đường Suối Lức - Rừng Tre	300	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
14	Tỉnh lộ 765 đi Cọ Dầu	300	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
15	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	300	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,40	
16	Đường chợ Xuân Bảo - Xuân Tây					Cẩm Mỹ	-	-	-	-		
	Đoạn từ đường Xuân Định - Lâm San vào 800m	400	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
	Đoạn còn lại	300	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,20	
17	Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	300	200	150	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,30	

TT	Tên đường giao thông	Giá đất UBND 2015 -2019				Huyện	Hệ số giá cụ thể so với giá đất UBND tỉnh năm 2018				Đề xuất hệ số điều chỉnh năm 2019	Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4		VT1	VT2	VT3	VT4		
18	Đường Lộ 25 - Sông Nhạn	450	200	160	100	Cẩm Mỹ	-	-	-	-	2,10	